

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HSST
Ngày 10-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phan Tấn Lãm; bà Nguyễn Thị Mùa**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐ-XX ngày 24 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Lê Tự A**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1983; Tại Bình Phước; Nơi ĐKKHKT cũng như chỗ ở: thôn 2A, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: công nhân; Con ông Lê Tấn B, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị C, sinh năm 1959; Bị cáo có vợ là chị Bùi Thị Ngọc D, sinh năm 1987 và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 5 năm 2020 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Dương Đình D**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 2000; Tại Bình Phước; Nơi ĐKKHKT cũng như chỗ ở: thôn 6B, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: thợ cửa sắt; Con ông Dương Đình Đ, sinh năm 1979 và bà Lê Thị E, sinh năm 1981; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị

tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 5 năm 2020 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị Ngọc F, sinh năm 1961; HKTT: khu phố 2, phường LT, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Ông Dương Đình Đ, sinh năm 1979; HKTT: thôn 6B, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người làm chứng: **Anh Dương Công G**, sinh năm 1999; HKTT: thôn 5, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ 30 ngày 31 tháng 5 năm 2020, Lê Tự A và Dương Đình D cùng đi đám cưới tại thôn 5, xã BT, Bù Gia Mập. Tại đám cưới A ngồi cùng bàn với Dương Công G, HKTT: Thôn 5, xã BT, huyện Bù Gia Mập. Khi gần hết đám cưới, G rủ A đi sử dụng ma túy thì A đồng ý, cả hai hẹn nhau tại ngôi nhà không người ở thuộc thôn 3, xã BT rồi G điều khiển xe mô tô BKS: 93H1-247.01 đi trước, còn A tiếp tục ở lại đám cưới. Lúc này, Dương Đình D sang bàn A ngồi, A rủ D đi sử dụng ma túy thì D đồng ý. Khi ra chỗ để xe, A nói D đi mua thêm ma túy để sử dụng do ma túy G mang theo không đủ để ba người sử dụng thì D đồng ý rồi A điều khiển xe mô tô BKS: 93H1-193.83 đi tới điểm hẹn với G. Lúc này, D điện thoại cho một đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) để mua 300.000 đồng ma túy thì đối tượng này đồng ý và hẹn D ra khu vực nghĩa trang thuộc thôn 4, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập để lấy ma túy. Sau khi mua được ma túy D điều khiển xe mô tô BKS: 93H6 – 4435 chạy vào chỗ A và G. Khi tới nơi D thấy G và A đang sử dụng ma túy, D ném gói nylon chứa ma túy mới mua vào giữa chỗ ngồi của A và G rồi đi vào hút khoảng 02 hơi ma túy thì A nhờ D đi mua nước về uống. Khi D đi mua nước được khoảng 10 phút sau thì G và A bị lực lượng công an vào kiểm tra bắt giữ. Khi D mua nước về thì biết G và A đã bị bắt giữ nên đã lên Công an xã BT đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: thu giữ tại hiện trường 01 gói nylon màu trắng hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng (nghỉ là ma túy đá); 01 chai nước hiệu number one dẫu nắp màu đỏ, trên nắp có gắn một đoạn ống hút nhựa và một dụng cụ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh; thu giữ của Lê Tự A 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S,

01 xe mô tô BKS: 93H1-193.83; thu giữ của Dương Công G 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20S và 01 xe mô tô BKS: 93H1-247.01; thu giữ của Dương Đình D 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno2F, 01 xe mô tô BKS: 93H6-4435.

Tại kết luận giám định số 124 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước:

Tinh thể màu trắng có trong 01 (một) gói nylon (kí hiệu M) được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,1812 gam.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 0,1284 gam ma túy hoàn lại sau giám định đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chai nước hiệu number one đầu nắp màu đỏ, trên nắp có gắn một đoạn ống hút nhựa và một dụng cụ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh mà G, A và D dùng để sử dụng ma túy đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô BKS: 93H1-193.83 thu giữ của Lê Tự A, quá trình điều tra xác định xe trên do A đứng tên, A không dùng xe trên để làm phương tiện phạm tội nên đề nghị trả lại cho A.

Đối với 01 xe mô tô BKS: 93H6-4435 quá trình điều tra xác định xe trên là của bà Bùi Thị Ngọc F, năm 2013 bà F đã bán xe trên cho ông Dương Đình E (bố của D), ngày 31 tháng 5 năm 2020 ông E cho D mượn xe đi đám cưới, D lấy xe đi mua ma túy thì ông E không biết, do đó đề nghị trả lại xe trên cho ông E.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S thu giữ của Lê tự A và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno2F thu giữ của Dương Đình D. Quá trình điều tra xác định A và D sử dụng hai điện thoại trên liên lạc với nhau để mua ma túy về sử dụng nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20S và 01 xe mô tô BKS: 93H1-247.01 thu giữ của Dương Công G, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của A và D nên đề nghị trả lại cho G.

Tại bản cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố các bị cáo Lê Tự A; Dương Đình D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50; 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Lê Tự A mức án từ 15 - 18 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 50; 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Dương Đình D mức án từ 12 – 15 tháng tù.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Tự A; Dương Đình D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng 45/CT-VKS ngày 20 tháng 7 năm 2020 của viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, kết luận giám định, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện tội phạm, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận : Khoảng 11 giờ 30 ngày 31 tháng 5 năm 2020, Dương Công G rủ bị cáo Lê Tự A đi sử dụng ma túy thì bị cáo A đồng ý, cả hai hẹn nhau tại ngôi nhà không người ở thuộc thôn 3, xã BT để cùng sử dụng ma túy. Lúc này, bị cáo Lê Tự A có gặp bị cáo Dương Đình D nên nói bị cáo D đi mua thêm ma túy để về cùng sử dụng thì bị cáo D đồng ý. Bị cáo D điện thoại cho một đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) để mua 0,1596 gam ma túy với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy bị cáo D điều khiển xe mô tô biển số 93H6 – 4435 chạy vào chỗ bị cáo A và G đang sử dụng ma túy, bị cáo D ném gói nylon chứa ma túy mới mua được vào chỗ ngồi của bị cáo A và G

rồi đi mua nước về uống thì bị cáo A và G bị Công an bắt quả tang, sau đó bị cáo D đã lên Cơ quan Công an đầu thú. Như vậy, hành vi của các bị cáo A, D đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ Luật hình sự năm 2015.

[4] Đối với bị cáo A: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và biết được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, do bị đối tượng G rủ rê và cũng muốn sử dụng ma túy nên bị cáo đã có hành vi rủ thêm bị cáo D là cháu của mình đi theo. Đồng thời, do nghĩ ma túy mà đối tượng G mang theo không đủ để sử dụng cho 03 người, nên bị cáo A khởi xướng nói với bị cáo D đi mua thêm và được bị cáo D đã đồng ý. Sau khi mua được ma túy, bị cáo D đã giao cho bị cáo A và đối tượng G để cùng sử dụng. Với hành vi nêu trên của bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ Luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời, cần xét xử bị cáo một mức án nghiêm nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trong môi trường có sự quản lý của Nhà nước, để sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng sức khỏe của bản thân và cũng là để làm tốt công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần phải áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Đối với bị cáo D: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và biết được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, trong quá trình được bị cáo A rủ rê và nói đi mua ma túy về để sử dụng thêm, chẳng những bị cáo không can ngăn mà còn đồng ý tiếp tay đi mua ma túy của một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch để mang về cùng sử dụng chung mà bị cáo đã bất chấp pháp luật đi vào con đường phạm tội. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng

pháp luật. Đồng thời, cần xét xử bị cáo một mức án nghiêm nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng sức khỏe của bản thân và cũng là để làm tốt công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã đến cơ quan Công an để đầu thú, bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần phải áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo D, bị cáo không rõ nhân thân lai lịch, do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập không có cơ sở xác minh nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xử lý.

[7] Đối với đối tượng Dương Công G, khi bị cáo A bàn bạc với bị cáo D mua thêm ma túy để sử dụng thì G không biết, G chỉ rủ bị cáo A đi sử dụng ma túy của mình đang có, khi bị cáo D mang ma túy về và ném vào chỗ G và bị cáo A đang ngồi thì G mới biết là D mua thêm ma túy nên G không có đồng phạm với bị cáo D và bị cáo A trong vụ án này. Ngày 08 tháng 7 năm 2020, Công an huyện Bù Gia Mập đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng đối với G về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 0,1284 gam ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chai nước hiệu number one đầu nắp màu đỏ, trên nắp có gắn một đoạn ống hút nhựa và một dụng cụ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh mà đối tượng Vinh, bị cáo A và bị c áo D dùng để sử dụng ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô BKS: 93H1-193.83 thu giữ của bị cáo A, quá trình điều tra xác định xe trên do bị cáo đứng tên và không dùng xe trên để làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô BKS: 93H6-4435 quá trình điều tra xác định xe trên là của bà Bùi Thị Ngọc F, năm 2013 bà F đã bán xe trên cho ông Dương Đình E (bố của bị c áo D), ngày 31 tháng 5 năm 2020 ông E cho bị cáo D mượn xe đi đám cưới, bị cáo lấy xe đi mua ma túy thì ông E không biết. Do đó, cần trả lại xe trên cho ông E.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S thu giữ của bị cáo A và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno2F thu giữ của bị cáo D. Quá trình điều tra xác định các bị cáo sử dụng hai điện thoại trên liên lạc với nhau để mua ma túy về sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20S và 01 xe mô tô BKS: 93H1-247.01 thu giữ của đối tượng G, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo A và bị cáo D nên cần trả lại cho G.

[9] Về án phí HSST: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Lê Tự A** (tên gọi khác: không); bị cáo **Dương Đình D** (tên gọi khác: không) phạm tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; 50; 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Tự A **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; 50; 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Dương Đình D **01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2020.

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu huỷ 0,1284 gam ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 chai nước hiệu number one đầu nắp màu đỏ, trên nắp có gắn một đoạn ống hút nhựa và một dụng cụ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh.

Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Tự A 01 xe mô tô BKS: 93H1-193.83 với số máy: 5C6H16959; Trả lại cho ông Dương Đình E 01 xe mô tô BKS: 93H6-4435 với số máy: 3551-040761; Trả lại cho Dương Công G 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20S và 01 xe mô tô BKS: 93H1-247.01 với số máy: JA39E-0387427.

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S thu giữ của bị cáo Lê Tự A và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno2F thu giữ của bị cáo Dương Đình D.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0008667; Quyết số 0174; Ký hiệu D47/2017 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Tự A; Dương Đình D mỗi người phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)*

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập
- Người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Văn Phú Vinh**
 - + Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm; Bà Nguyễn Thị Mùa
- Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận, nghị án đối với vụ án Lê Tự A và đồng phạm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Lê Tự A** (tên gọi khác: không); bị cáo **Dương Đình D** (tên gọi khác: không) phạm tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; 50; 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Tự A **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; 50; 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Dương Đình D **01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2020.

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu huỷ 0,1284 gam ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 chai nước hiệu number one đầu nắp màu đỏ, trên nắp có gắn một đoạn ống hút nhựa và một dụng cụ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh.

Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Tụ A 01 xe mô tô BKS: 93H1-193.83 với số máy: 5C6H16959; Trả lại cho ông Dương Đình Quân 01 xe mô tô BKS: 93H6-4435 với số máy: 3551-040761; Trả lại cho Dương Công Vinh 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20S và 01 xe mô tô BKS: 93H1-247.01 với số máy: JA39E-0387427

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S thu giữ của bị cáo Lê Tụ A và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno2F thu giữ của bị cáo Dương Đình D.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0008667; Quyển số 0174; Ký hiệu D47/2017 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Tụ A; Dương Đình D mỗi người phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)*

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản nghị án kết thúc lúc 10 giờ 15 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã xem lại biên bản và thống nhất ký tên.

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PT

Văn Phú Vinh

